

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Tên ngành: Kế toán

Mã ngành: : 6340301

HỌC KỲ 1 (16 Tín chỉ)	HỌC KỲ 2 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 3 (15 Tín chỉ)	HỌC KỲ 4 (15 Tín chỉ)	HỌC KỲ 5 (15 Tín chỉ)
Tiếng Anh 1 MH3107209, 2(0,2)	Tiếng Anh 2 MH3107210, 2(0,2)	Luật kinh tế MH3104121, 2(1,1)	Phân tích hoạt động kinh doanh MH3042408, 3(2,1)	Tự chọn A (5TC)
GD Thể chất MH3109105, 2(0,2)	Tin học MH3101201, 3(1,2)	Nghiệp vụ văn phòng MH3104140, 2(1,1)	Thực hành trên phần mềm kế toán MĐ3042406, 2(1,1)	Kế toán hành chính sự nghiệp MH3042221, 3(2,1)
GD Chính trị MH3108021, 5(5,0)	GDQP và AN MH3109022, 3(2,1)	Tài chính tiền tệ MH3042404, 3(2,1)	Kế toán chứng từ sổ sách MH3042407, 3(2,1)	Thanh toán quốc tế MH3104134, 2(1,1)
Pháp luật MH3108103, 2(2,0)	Kinh tế vi mô MH3104138, 2(1,1)	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán MH3104137, 2(1,1)	Kế toán quản trị MH3104132, 3(2,1)	Khóa luận MĐ3042466, 5(3,2)
Nguyên lý thống kê MH3104119, 2(1,1)	Thuế MH3042220, 3(2,1)	Thực hành khai báo thuế MĐ3042405, 2(1,1)	Kế toán doanh nghiệp 3 MH3104128, 4(3,1)	Tự chọn B (4TC)
Nguyên lý kế toán MH3104118, 3(2,1)	Kế toán doanh nghiệp 1 MH3104126, 4(3,1)	Kế toán doanh nghiệp 2 MH3104127, 4(3,1)		Kiểm toán MH3104129, 2(1,1)
				Bảo hiểm và tiền lương MH3042402, 2(1,1)
				Thương mại điện tử cơ bản MH3042409, 2(1,1)
				Hệ thống kiểm soát nội bộ MH3042410, 2(1,1)
				Thực tập TN MĐ3104204, 6(0,6)



TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TẠO

Lâm Văn Lợi

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hằng Anh